

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2025/KDTM-ST
Ngày: 30-12-2025
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phạm Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Sơn Tây

Ông Nguyễn Thanh Cần

-Thư ký phiên tòa: bà Đỗ Thị Phương Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 81/2025/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2025/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty TNHH G.

Địa chỉ: số G, hẻm V, đường Đ, ấp V, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn S; nơi cư trú: B, tổ I, khu phố H, phường T, tỉnh Đồng Nai, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/8/2025). (vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH S1.

Địa chỉ: lô A, A, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ cũ: lô J đường N, Khu công nghiệp N mở rộng, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện hợp pháp: ông Tsoi Tung Leung T; địa chỉ liên lạc: lô A, A4, đường số A, Cụm C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo pháp luật (Chủ tịch Công ty K Tổng Giám đốc). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Ngày 14/4/2024, Công ty TNHH G (sau đây viết tắt là Công ty G) và Công ty TNHH S1 (sau đây viết tắt là Công ty S1) ký hợp đồng số 04-2024/CNX-LOI HAO, về việc cung cấp ván ép các loại được ép từ ván bóc cao su (veneer).

Từ ngày 14/4/2024 đến ngày 30/9/2024, Công ty G đã giao và Công ty S1 đã nhận giá trị hàng hoá với số tiền là: 5.523.748.726 đồng. Căn cứ vào Điều 3 hợp đồng số 04-2024/CNX-LOI HAO, sau khi chốt công nợ có sự xác nhận của hai bên, Công ty G sẽ tiến hành xuất hoá đơn GTGT và Công ty S1 sẽ thanh toán trong vòng 60 ngày. Nhưng Công ty S1 đã thanh toán không đúng với Điều 3 của Hợp đồng đã ký kết giữa 2 bên. Công ty G đã nhiều lần gửi công văn, email và đến văn phòng Công ty S1 để nhắc nợ. Ngày 08/01/2025, Công ty S1 đã gửi kế hoạch cam kết thanh toán công nợ quá hạn. Nội dung xác nhận Công ty S1 đang chậm thanh toán cho Công ty G số tiền là: 4.335.107.721 đồng và cam kết thanh toán 4 lần như sau: tháng 01/2025 thanh toán 1.000.000.000 đồng, tháng 02/2025 thanh toán 1.000.000.000 đồng, tháng 3/2025 thanh toán 1.000.000.000 đồng, tháng 4/2025 thanh toán 1.335.107.721 đồng. Dù đã cam kết như vậy, nhưng sau đó Công ty S1 chỉ thanh toán được một phần nhỏ là 200.000.000 đồng vào ngày 24/01/2025.

Đến ngày 10/3/2025, Công ty G đã gửi đơn khởi kiện Công ty S1 lên Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên. Sau thời gian hoà giải thì Công ty S1 đã thanh toán tiếp cho Công ty G số tiền 1.000.000.000 đồng vào ngày 15/5/2025, 1.500.000.000 đồng vào ngày 13/6/2025. Công ty G nhận được số tiền theo Biên bản cam kết lịch thanh toán công nợ Công ty S1 ký ngày 12/6/2025. Như vậy, tính đến ngày 12/8/2025, Công ty S1 vẫn nợ Công ty G với số tiền là 1.635.107.721 đồng. Mặc dù số nợ này Công ty S1 đã cam kết thanh toán trong tháng 7/2025. Việc Công ty S1 không trả nợ đã gây cho Công ty G rất nhiều khó khăn, thiệt hại. Do vậy, Công ty G khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty S1 thanh toán hết số tiền đang nợ Công ty G là 1.635.107.721 đồng.

Buộc Công ty S1 phải trả thêm khoản lãi phát sinh từ khoản nợ chậm thanh toán từ tháng 12/2024 đến hết tháng 07/2025 theo lãi suất quá hạn do ngân hàng N quy định như sau:

- Khoản thanh toán số tiền 1.000.000.000 đồng ngày 15/5/2025, chậm thanh toán từ tháng 12/2024 đến hết tháng 4/2025 là 5 tháng với số tiền lãi là: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 5 \text{ tháng} = 41.666.667 \text{ đồng}$.

- Khoản thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng ngày 13/6/2025, chậm thanh toán từ tháng 12/2024 đến hết tháng 5/2025 là 6 tháng với số tiền lãi là: $1.500.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 6 \text{ tháng} = 75.000.000 \text{ đồng}$.

- Khoản nợ còn lại chưa thanh toán 1.635.107.721 đồng, chậm thanh toán từ tháng 12/2024 đến hết tháng 7/2025 là 8 tháng với số tiền lãi là: 1.635.107.721 đồng x 10%/năm x 8 tháng = 109.007.181 đồng.

Tổng số tiền Công ty G yêu cầu Công ty S1 thanh toán là 1.860.781.569 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty S1 theo đúng quy định pháp luật nhưng đại diện Công ty S1 không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật. Vụ án được đưa ra xét xử đúng thời hạn theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định tại chương XIV về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại theo các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty G khởi kiện yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa là ván ép các loại được ép từ ván bóc cao su (veneer). Bị đơn Công ty S1 có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là loại việc về tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về số tiền nợ gốc: xét thấy, giữa Công ty G và Công ty S1 có quan hệ mua bán theo Hợp đồng nguyên tắc số 04-2024/CNX-LOI HAO ngày 14/4/2024, theo đó Công ty G bán hàng hoá là ván ép các loại được ép từ ván bóc cao su (veneer) cho Công ty S1. Hợp đồng giữa hai bên thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên, không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên. Quá trình mua bán, Công ty G đã giao hàng cho Công ty S1 và đã xuất các hoá đơn số 30 ngày 29/4/2025, 32 ngày 29/5/2025, 35 ngày 27/6/2025, 39 ngày 30/7/2025, 49 ngày 28/8/2025, 55 ngày 28/9/2025, với tổng số tiền 5.523.748.726 đồng. Công ty S1 đã thanh toán cho Công ty G tổng số tiền 3.888.641.005 đồng, số tiền chưa thanh toán là 1.635.107.721 đồng. Ngày 08/01/2025, 12/6/2025, Công ty S1 đã lập Giấy đề nghị thanh toán công nợ, Biên bản thông báo lịch thanh toán công nợ, theo đó Công ty S1 xác nhận số tiền còn nợ Công ty G và cam kết thanh toán nợ theo từng đợt nhưng đến hạn thì Công ty S1 không thực hiện việc thanh toán theo đúng cam kết. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào thể hiện đã thanh toán một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ đối với nguyên đơn. Việc Công ty S1 không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G là trái quy định tại Điều 50, 55 Luật Thương mại 2005. Do đó, nguyên đơn Công ty G yêu cầu bị đơn Công ty S1 thanh toán số tiền còn nợ 1.635.107.721 đồng là có cơ sở.

[3.2] Về yêu cầu thanh toán tiền lãi: Công ty G yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền lãi chậm thanh toán tính từ tháng 12/2024 với mức lãi suất 10%/năm với tổng số tiền 225.673.848 đồng. Tại Điều 306 Luật Thương mại quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Như đã phân tích ở phần trên thì do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi trên số tiền chậm trả là có cơ sở. Xét thấy, tại thời điểm xét xử (ngày 30/12/2025) mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 13,62%/năm (mức lãi suất nợ quá hạn tại Ngân hàng TMCP Đ là 11,76%/năm, tại Ngân hàng TMCP S2 là 16,35%/năm, tại Ngân hàng N1 là 12,75%/năm). Do đó, việc Công ty G yêu cầu Công ty S1 thanh toán tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 10%/năm với số tiền tính đến ngày xét xử là 225.673.848 đồng là có lợi hơn cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty S1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty G tổng số tiền là 1.860.781.569 đồng. Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị đơn Công ty S1 phải

chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận là 1.860.781.569đồng, tương đương số tiền án phí: 67.823.447đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 91, 147, 227, 228, 235, 238, 244, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH G đối với bị đơn Công ty TNHH S1 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

Buộc Công ty TNHH S1 có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH G tổng số tiền 1.860.781.569đồng (Một tỷ tám trăm sáu mươi triệu bảy trăm tám mươi một nghìn năm trăm sáu mươi chín đồng), gồm có nợ gốc 1.635.107.721 đồng, tiền lãi chậm thanh toán 225.673.848đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH S1 phải nộp số tiền 67.823.447đồng (Sáu mươi bảy triệu tám trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm bốn mươi bảy đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH G số tiền 34.000.000đồng (Ba mươi tư triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019976 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;

- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Ngọc Trung